TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2. Ông Phan Văn Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đinh Trọng Triều T (C), sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 357/1, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2. Bị đơn: Phù Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đinh Trọng Triều T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đinh Trọng Triều T và chị Phù Thị T1 kết hôn vào năm 2009, anh chị tự tìm hiểu và chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh nhiều bất đồng trong việc làm ăn, bất đồng về tiền bạc...từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, anh chị không còn tin tưởng và tôn trọng nhau

nên gia đình không có hạnh phúc. Từ tháng 02-2016, anh T và chị T1 đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Anh T và chị T1 có 02 con chung tên Đinh Quốc T2, sinh ngày 13-4-2010 và Đinh Thị Huyền P, sinh ngày 24-02-2012. Hiện nay, hai cháu T2 và P đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-4-2019, chị Phù Thị T1 có ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T1 và anh T kết hôn vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18-11-2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, anh chị đã ly thân hơn 3 năm, hiện nay anh T đã có gia đình riêng và chị T1 không còn thương anh T nên đồng ý ly hôn với anh T

- Về con chung: Anh T và chị T1 có 02 con chung tên Đinh Quốc T2, sinh ngày 13-4-2010 và Đinh Thị Huyền P, sinh ngày 24-02-2012. Hiện nay, hai cháu T2 và P đang sống với anh T. Chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại tờ trình bày ý kiến cùng ngày 14-7-2019, các cháu Đinh Quốc T2 và Đinh Thị Huyền P đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu ly hôn với chị T1, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, giao cháu T2 và cháu P cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa anh Đinh Trọng Triều T và chị Phù Thị T1 là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 13-02-2019, Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận: Phù Thị T1 hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Anh Đinh Trọng Triều T và chị Phù Thị T1 có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số I vào ngày 18-11-2010. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh T và chị T1 được đoàn tụ, tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh chị đều thống nhất ly hôn do anh chị không còn tình cảm với nhau, anh anh chị đã ly thân từ tháng 02/2016, trong thời gian ly thân anh chị không còn liên lạc và không quan tâm đến nhau. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

2.2 Về con chung: Anh T và chị T1 thống nhất trình bày anh chị có 02 con chung tên Đinh Quốc T2, sinh ngày 13-4-2010 và Đinh Thị Huyền P, sinh ngày 24-02-2012, anh T và chị T1 đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, từ khi anh T và chị T1 ly thân đến nay, các cháu đều được anh T nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu đều có trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Chị T1 có yêu cầu nuôi con, tuy nhiên khi Tòa án triệu tập chị đến Tòa để giải quyết tranh chấp thì chị đều vắng mặt và cũng không gửi bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh khả năng nuôi con. Do đó, để đảm bào quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T2 và cháu P cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc chị T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và gia đình phải tạo điều kiện cho chị T1 trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Trọng Triều T.

- Về hôn nhân: Anh Đinh Trọng Triều T được ly hôn với chị Phù Thị T1. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122, quyển số I, ngày 18-11-2010 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Đinh Trọng Triều T được quyền nuôi hai con chung tên Đinh Quốc T2, sinh ngày 13-4-2010 và Đinh Thị Huyền P, sinh ngày 24-02-2012. Chị Phù Thị T1 không cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Đinh Trọng Triều T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008541 ngày 24-8-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Anh Đinh Trọng Triều T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28-8-2019). Chị Phù Thị T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao